

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3649/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường

2. Ông Nguyễn Thành Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 1040/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6275/2022/QĐXXST -HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị Kim P, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số A Quốc lộ K, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C Đường số N, Khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyền số 2008 do UBND phường Linh Xuân, quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức) cấp ngày 08/07/2008. Thời gian đầu sống chung vợ chồng bình thường nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã. Hiện nay đã sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc ai. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo N (Nữ), sinh ngày: 30/3/2004 – đã trưởng thành; Nguyễn Trịnh Minh N1 (Nam), sinh ngày: 23/12/2005; Nguyễn Trịnh Hạo N2 (Nam), sinh ngày 25/11/2016. Sau ly hôn, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên;

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: Bà tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu nội dung khởi kiện ly hôn với ông T. Đồng thời, xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Tòa án, tại phiên tòa bà không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác, các thủ tục về việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bị đơn, nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

- Đối với bị đơn ông T đã được Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức thì hiện ông T đang cư trú tại địa chỉ: Số C Đường số N, Khu phố E, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức;

- Bị đơn đã được tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn;

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyển số 2008 do Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức) cấp ngày 08/07/2008. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ việc thì bà P và ông T kết hôn tự nguyện, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vì không thể giải quyết được mâu thuẫn, không còn khả năng hàn gắn nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Tại phiên tòa, bà P xác nhận tình cảm vợ chồng với ông T đã không còn, hiện đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không còn sự quan tâm

đến nhau, hiện ông T cũng đã có người khác, có cuộc sống riêng. Quá trình xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng bà P kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Đối với bị đơn, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần theo quy định pháp luật để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản ghi nhận ý kiến nào khác gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà P, điều này cho thấy ông T cũng không còn sự quan tâm, không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà P;

Xét, cuộc sống chung vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, có tình nghĩa vợ chồng, cùng nhau vun đắp, xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng theo những gì nguyên đơn trình bày cho thấy quan hệ hôn nhân bà P và ông T hiện tại đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn không thể hòa giải nên mục đích hôn nhân cũng không thể đạt được. Từ những nhận định trên và căn cứ vào lời đề nghị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

2.2. Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự cũng như giấy khai sinh do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định con tên Nguyễn Ngọc Thảo N (Nữ), sinh ngày: 30/3/2004 – đã trưởng thành; Nguyễn Trịnh Minh N1 (Nam), sinh ngày: 23/12/2005; Nguyễn Trịnh Hạo N2 (Nam), sinh ngày 25/11/2016 là con chung của bà P và ông T, nguyên đơn có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, tại bản tự khai con chung chưa thành niên cũng thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ là bà Phúc, bị đơn ông T không có ý kiến gì về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao con chung cho bà Phúc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.3. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Kim P

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trịnh Thị Kim P và ông Nguyễn Văn T

1.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Trịnh Minh N1 (Nam), sinh ngày: 23/12/2005; Nguyễn Trịnh Hạo N2 (Nam), sinh ngày 25/11/2016 cho bà Trịnh Thị Kim P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; con tên Nguyễn Ngọc Thảo N (Nữ), sinh ngày: 30/3/2004 – đã trưởng thành;

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0026787 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Trịnh Thị Kim P đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ;

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Kim Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA